TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v: tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Hữu Linh.
- Ông Trần Tiến Dũng.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 426/2023/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1986; địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Anh C, sinh năm 1985; địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Duy T, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Bùi Văn D, sinh năm 1968 và bà Đặng Thị V, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V trình bày:

Tôi và anh Trần Anh C trước đây có quan hệ là vợ chồng nhưng do mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly hôn theo quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 126, ngày 22/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo. Khi còn chung sống có tạo lập được 02 thửa đất cụ thể là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 219, diện tích 800,2m^2 tại buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 24/9/2018 cho ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị Bích V (sau đây viết tắt là thửa đất số 22); thửa đất số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 636m^2 tại buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 05/10/2016 cho ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị Bích V (sau đây viết tắt là thửa đất số 118).

Đến ngày 01/10/2020 chị V và anh C đã tự phân chia tài sản như sau: Ông C được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 22; còn chị V được toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt thửa đất số 118. Việc thỏa thuận được công chứng tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hương T. Sau khi công chứng xong anh C cầm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên nói là đi làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho hai bên như đã thỏa thuận phân chia. Hiện nay, thửa đất số 22 mà anh C được phân chia anh C đã chuyển nhượng cho người khác, còn thửa đất số 118 anh C giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đưa cho chị V, anh C cũng không phối hợp với chị V để thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất cho chị V để thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Nay yêu cầu Tòa án công nhận như nội dung phân chia tài sản chung ngày 01/10/2020; chia cho chị V quyền sử dụng thửa đất số 118, còn đối với thửa đất số 22 phân chia cho anh C đã làm thủ tục sang tên cho anh C, chị V không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Duy T và bà Nguyễn Thị Thùy H trình bày:

Bà H và chồng là ông Đỗ Duy T có nhận chuyển nhượng của ông Trần Anh C thửa đất số 22, tờ bản đồ số 219 diện tích 800,2m^2 tại buôn B, xã E, huyện Ea H'Leo đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Anh C số CV 760007, ngày 23/10/2020. Giá theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng Trần Thị T ngày 23/3/2021 là 50.000.000 đồng. Vợ chồng bà H, ông T đã giao đủ tiền và nhận đất quản lý, sử dụng. Sau đó thì bà H không nhớ cụ thể thời gian, vợ chồng bà H đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông D, bà V.

Hiện nay, ông T, bà H không liên quan gì đến thửa đất này nữa nên đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng bà H và tham gia tố tụng, đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V và ông Bùi Văn D trình bày:

Bà V và chồng là ông Bùi Văn D có nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Duy T, bà Nguyễn Thị Thùy H thửa đất số 22, tờ bản đồ số 219, diện tích 800,2m^2 tại buôn Bung, xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Anh C theo số CV 760007, ngày 23/10/2020, đã chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Đỗ Duy T, bà Nguyễn Thị Thùy H ngày 30/3/2021. Giá chuyển nhượng là hơn 600.000.000 đồng. Vợ chồng bà V, ông D đã nhận đất và quản lý sử dụng từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Hiện nay, bà Nguyễn Thị Bích V khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung có liên quan đến thửa đất nêu trên tôi nhận chuyển nhượng từ ông T, bà H; tôi đã nhận chuyển nhượng và sử dụng hợp pháp nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Do tuổi cao không đi lại được nên bà V đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích V. Công nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C được công chứng ngày 01/10/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hương T. Chị Nguyễn Thị Bích V được quyền sử dụng đối với thửa đất số 118. Đối với thửa đất số 22 phân chia cho anh C đã làm thủ tục sang tên cho anh C, chị V không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C là vợ chồng. Do mâu thuẫn trong quá trình chung sống, nên chị V và anh C đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 126/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020; nay chị V yêu cầu phân chia tài sản chung và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung: Chị V và anh C là vợ chồng nhưng đã ly hôn, khi ly hôn hai bên không phân chia tài sản chung. Quá trình chung sống chị V và anh C có tài sản chung là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 08, diện tích 636m^2 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 219, diện tích 800,2m^2. Chị V cho rằng 02 thửa đất số 118 và 22 là tài sản chung của chị V và anh C có trong thời kỳ hôn nhân, ngày 01/10/2020 hai bên đã lập biên bản phân chia và được công chứng tại văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hương T, thửa đất số 118 phân chia cho chị V, chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho chị V; thửa đất số 22 phân chia cho anh C đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho anh C.

Nay chị V yêu cầu Tòa án công nhận nội dung phân chia tài sản ngày 01/10/2020 giữa chị V và anh C; chị V có quyền sử dụng đối với thửa đất số 118 cho chị V, còn đối với thửa đất số 22 phân chia cho anh C đã làm thủ tục sang tên cho anh C rồi nên không yêu cầu giải quyết.

[2.1]. Về quyền sử dụng đối với thửa đất số 118 và 22: Anh Trần Anh C và chị Nguyễn Thị Bích V kết hôn ngày 08/9/2008; thửa đất số 118 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/10/2016 và thửa đất số 22 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/9/2018, cả hai thửa đất đều cấp cho ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị Bích V. Như vậy, theo quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình thì thửa đất số 118, 22 hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của chị V và anh C.

[2.2]. Về việc thỏa thuận phân chia thửa đất số 118, 22: Ngày 01/10/2020 chị V và anh C đã tự phân chia thửa đất số 118 và 22, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hương T; theo nội dung hai bên thoả thuận phân chia thì anh C được quyền sử dụng đối với thửa đất số 22, chị V được quyền sử dụng thửa đất số 118; xét thấy, sự thỏa thuận phân chia tài sản trên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý.

Thực tế anh C đã được sang tên quyền sử dụng thửa đất số 22, còn chị V chưa được sang tên quyền sử dụng đối với thửa đất số 118. Vì vậy, chị V yêu cầu Tòa án công nhận cho chị V được quyền sử dụng thửa đất số 118 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với thửa đất số 22, anh C đã làm thủ tục sang tên cho anh C, chị V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chị V chấp nhận chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, tiền chi phí định giá tài sản, số tiền này chị V đã nộp tạm ứng. Vì vậy, cần khấu trừ số tiền tạm ứng mà chị V đã nộp vào số tiền chị V phải chịu.

[4]. Về án phí dân sự: Cần buộc chị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 147; các Điều 157, 158, 165 và 166; khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 33, 35, 38, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình.

Các Điều 95, 96 và 97 của Luật Đất đai năm 2013.

Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích V.

1. Công nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C được công chứng ngày 01/10/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Hương T. Chị Nguyễn Thị Bích V được phân chia quyền sử dụng đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 8, diện tích 636m^2 địa chỉ thửa đất tại buôn Bung (nay là buôn B), xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; thửa đất đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 05/10/2016 cho ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị Bích V. Thửa đất có tứ cận: phía đông giáp đất nghĩa địa; phía tây giáp đường tỉnh lộ 15; phía nam giáp đất ông H; phía bắc giáp đất ông Đ.

Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C có nghĩa vụ đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C không hợp tác, phối hợp để thực hiện các thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên thì chị Nguyễn Thị Bích V và anh Trần Anh C có quyền chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục đăng ký sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 219, diện tích 800,2m^2 địa chỉ thửa đất tại buôn Bung, xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 24/9/2018 cho ông Trần Anh C và bà Nguyễn Thị Bích V, anh C đã được sang tên quyền sử dụng đất, chị V không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Bích V chấp nhận chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, tiền chi phí định giá tài sản là 1.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này chị V đã nộp tạm ứng nên khấu trừ số tiền mà chị Vân đã nộp tạm ứng vào số tiền chị V phải chịu.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu 12.000.000 đồng, khấu trừ 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp, chị Vân còn phải chịu 8.250.000 đồng tiền án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Trần Anh C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Duy T và bà Nguyễn Thị Thùy H, ông Bùi Văn D và bà Đặng Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan Thi hành án huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Đăng Khoa